

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA HƯNG  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 11 - 10 - 2024.

V/v ly hôn giữa anh K và chị H.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Lê Văn Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Chị Trần Mai H, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt anh K, chị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn khởi kiện và lời khai của anh Nguyễn Văn K trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện: Anh kết hôn với chị Trần Mai H vào tháng 6/2020 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu

thuần ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8/2023 thì chị H về nhà mẹ đẻ tại Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định để ở. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Mai H.

Về con chung: Giữa anh và chị H có một con chung là cháu Nguyễn An N, sinh ngày 18/11/2020. Hiện cháu N đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn anh để chị H trực tiếp nuôi cháu N và anh sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí anh đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay chị Trần Mai H vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ những văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Trần Mai H nhưng chị H không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Mai H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn An N, sinh ngày 18/11/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. anh K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 10/2024 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: anh K phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn K và chị Trần Mai H đều cư trú tại huyện N, tỉnh Nam Định. Nay anh Nguyễn Văn K xin ly hôn chị Trần Mai H thì Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Mai H vắng mặt nhưng chị H nhưng chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Mai H vào tháng 6 năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm không hiểu nhau. Đến tháng 8/2023 thì vợ chồng anh K chị H sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía chị H không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị xử lý hôn giữa anh K và chị H.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị H đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh K xin ly hôn chị H nên chấp nhận là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Trần Mai H có một con chung là cháu Nguyễn An N, sinh ngày 18/11/2020. Hiện cháu N đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn anh K để chị H trực tiếp nuôi cháu N và anh sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Phía chị H không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử thấy: Hiện cháu N đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, vì vậy giao cháu N cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Khoa tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thấy nguyện vọng của anh K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Văn K phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Mai H.

2 - Về con chung: Giao cháu Nguyễn An N, sinh ngày 18/11/2020 cho chị Trần Mai H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng (hiện cháu N đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Văn K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 10/2024 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng.

Tổng số tiền án phí anh K phải nộp là 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị anh K đã nộp theo biên lai số 0001439 ngày 17/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, anh K còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh K, chị H. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân Tỉnh.
- VKSND huyện.
- THADS huyện.
- UBND xã N.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Phạm Văn Chung**